

Bản án số: 137/2022/DS-PT  
Ngày 25 - 7 - 2022  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Bá Kha

Ông Vũ Thế Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 (có mặt).

2. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do).

3. Anh Nguyễn Thanh P (vắng mặt không lý do).

4. Anh Nguyễn Thanh H (vắng mặt không lý do).

5. Anh Nguyễn Thanh Tr (vắng mặt không lý do).
  6. Bà Trần Thị N, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt).
  7. Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).
  8. Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1973 (có mặt).
  9. Anh Nguyễn Trọng Ng, sinh năm 1976 (vắng mặt không lý do).
  10. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).
  - 11 Anh Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do).
- Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn C – nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:** Ông có phần đất có diện tích là 4.020m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 5.136,9 m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSD) đất số K442476, tờ bản đồ số 09, số thửa 283 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên vào ngày 31/8/1998, đất tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này nằm giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn Ch, mặc dù đã có ranh giới rõ ràng nhưng ông Ch ngang nhiên lấn chiếm một phần đất trên của ông ở phần đầu kênh, do phần đất này của ông có hình dạng là hình cánh buồm nên không thể đo đạc được chiều ngang và chiều dài nên ông chỉ ước tính được diện tích lấn chiếm khoảng 400m<sup>2</sup>.

Nay ông yêu cầu ông Ch trả lại cho ông phần đất lấn chiếm khoảng 400m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận QSD đất số K442476, tờ bản đồ số 09, số thửa 283 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên vào ngày 31/8/1998, đất tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Ông xác nhận ông và vợ con ông không làm đơn khởi kiện bổ sung và đơn yêu cầu độc lập theo diện tích đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 675,6m<sup>2</sup>. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu với diện tích đất tranh chấp là khoảng 400m<sup>2</sup>.

Ông không thống nhất kết quả định giá nhưng cũng không yêu cầu Tòa án định giá lại phần đất tranh chấp cũng như cây trồng trên đất, ông cũng không yêu cầu ông Ch bồi thường giá trị cây trồng trên đất tranh chấp.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng A trình bày:**

Vào năm 1970 vợ chồng ông có mua một phần đất bác của ông Ch là ông Nguyễn Văn Tr1 diện tích là 31.000m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang, với giá là 150.000 đồng, do bác cháu tin tưởng nhau nên không làm giấy mua bán, ông đã trả tiền xong cho ông Tr1 và ông Tr1 giao giấy chứng nhận QSD đất cho ông cất giữ. Sau đó cha vợ ông dẫn vợ ông là bà Trần Thị N lên xã M làm giấy biên nhận hợp thức hóa canh tác. Đến năm 1985 có luật trang trải đất đai thì phần đất trên của ông được chia cắt cho ông Dương Thành Ph và ông

Thiền Văn Đ là 6.000m<sup>2</sup>. Năm 1990 ông Tr1 nói bà N giao giấy chứng nhận QSD đất của ông Tr1 cho ông Tr1 để ông Tr1 đi xin lại giùm cho vợ chồng ông số đất bị cắt chia vì ông Tr1 có người quen làm ở xã có thể xin lại được, thời điểm này ông đang đi chấp hành án. Do tin tưởng nên bà N đã giao giấy chứng nhận QSD đất và biên nhận cho ông Tr1 để xin lại đất giùm. Khoảng nửa năm sau thì bà N hỏi ông Tr1 có xin lại được đất không thì ông Tr1 nói là không xin được nên bà N có xin lại giấy chứng nhận QSD đất và biên nhận nhưng ông Tr1 chỉ trả lại biên nhận còn giấy chứng nhận QSD đất thì ông Tr1 nói do giấy của chế độ cũ cấp nên không xài được nên ông Tr1 không trả lại. Đến năm 1996 ông Tr1 cầm giấy chứng nhận QSD đất kiện ông Ph và ông Đ để lấy thành quả lao động. Năm 1997 ông Tr1 kiện vợ chồng ông đòi lại phần đất 31.000m<sup>2</sup> và ông Tr1 cho rằng ông Tr1 chỉ cho vợ chồng ông mượn phần đất này để canh tác từ năm 1974 nên ông Tr1 kiện đòi thành quả lao động. Tòa án nhân dân huyện C xử ông thua kiện, phải bồi thường thành quả lao động cho ông Tr1, ông kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác đơn khởi kiện của ông Tr1 vì hết thời hiệu khởi kiện.

Ông xác nhận vào năm 1970 vợ chồng ông chuyển nhượng đất của ông Tr1 thì cha ông là ông Nguyễn Văn Kh cho ông sử dụng từ cái đường nước ra vào ruộng trở lại đất nhà ông là của ông, thời điểm đó phần đường nước này là mé sông, nước ngập lên xuống tới hàng cây sanh trước sân nhà con ông. Năm 2015 và 2016, Nhà nước đem xáng cạp đất để làm lộ thì ông có mượn xe cuốc ban lấp vô chỗ mé sông nước ngập kế hàng cây sanh, nên bây giờ mới có mặt bằng để làm lộ. Khoảng năm 1975-1976, cha ông cho ông Nguyễn Văn C về cất nhà ở trên phần đất liền kề với phần đất ruộng của ông. Khi ông C về ở thì cha ông cũng đã chỉ cho anh em ông biết là từ đường nước trở lại bên đất của ông là của ông, ngược lại là của ông C. Sau đó, ông C có trồng một bụi gừa cặp mé đường nước, bên ông trồng cây dừa. Đến năm 2013 ông C kiện ông với lý do ông lấn chiếm đất của ông C, vụ việc cũng đã được hòa giải tại xã T và đã được tổ hòa giải xã xác định phần đất lấn chiếm nằm trong quyền sử dụng đất của ông mà không nằm trong phần đất của ông C.

Nay ông C kiện đòi yêu cầu ông trả lại phần đất lấn chiếm là 400m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup>) thì ông không đồng ý vì phần đất này nằm trong quyền sử dụng đất của ông theo giấy chứng nhận QSD đất số AP530545, tờ bản đồ số 09, số thửa 264, diện tích là 11.476m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 10.522,5 m<sup>2</sup>) do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28/7/2009, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, ông có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup> là nằm trong phần đất có diện tích là 11.476m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 10.522,5 m<sup>2</sup>) thuộc tờ bản đồ số 09, số thửa 264, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số AP530545 được UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28/7/2009 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông.

Ông thống nhất với kết quả định giá, không yêu cầu Tòa án định giá lại phần đất tranh chấp cũng như cây trồng trên đất và ông cũng không có yêu cầu gì đối với cây trồng trên phần đất tranh chấp.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

**Bà Nguyễn Thị B trình bày:** Bà thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, không trình bày gì thêm.

**Anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Thanh Tr** Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh H và anh Nguyễn Thanh Tr vắng mặt.

**Bà Trần Thị N, ông Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Nguyễn Trọng Ng và anh Nguyễn Hoàng Q trình bày:** Nguyên hộ gia đình ông bà có có phần đất thuộc giấy chứng nhận QSD đất số AP530545, tờ bản đồ số 09, số thửa 264, diện tích là 11.476m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28/7/2009. Phần đất này gia đình ông bà đã canh tác và sử dụng từ năm 1970 đến nay, nguồn gốc đất là mua của ông Nguyễn Văn Tr1. Năm 2013 do hoàn cảnh gia đình ông bà khó khăn nên có ý định bán một phần đất nhưng ông Nguyễn Văn C đứng ra tranh chấp. Hiện nay ông Nguyễn Văn C kiện đòi yêu cầu gia đình ông bà trả lại phần đất lấn chiếm là 400m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup>) thì gia đình ông bà không đồng ý.

Nay gia đình ông bà yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup> là nằm trong phần đất có diện tích là 11.476m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 10.522,5 m<sup>2</sup>) thuộc tờ bản đồ số 09, số thửa 264, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số AP530545 được UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28-7-2009 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông bà.

**Tại bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trả lại phần đất tranh chấp khoảng 400m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Nguyễn Trọng Ng, anh Nguyễn Hoàng A và anh Nguyễn Hoàng Q.

Công nhận phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số AP530545, tờ bản đồ số 09, số thửa 264, diện tích là 11.476m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 10.522,5 m<sup>2</sup>) do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28/7/2009, đất tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N, theo đo đạc thực tế của Tòa án ngày 22 tháng 7 năm 2019 sơ đồ được xác định bởi các điểm 6,7,10,11 cụ thể như sau:

Từ điểm 6-7 = 57,01m giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N;

Từ điểm 7-10 = 25,37m giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C;

Từ điểm 10-11 = 39,41m giáp kênh Sáng Mới;

Từ điểm 11-6 = 12,24m giáp kênh Sáng Mới.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bị đơn trả lại diện tích đã lấn chiếm đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch không đồng ý đơn kháng cáo của ông C, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B thống nhất theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang về án miễn án phí cho ông C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, anh Nguyễn Hoàng A, anh Nguyễn Trọng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn

Thanh H, anh Nguyễn Thanh Tr, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Trọng Ng, anh Nguyễn Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xử vắng mặt những đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông C yêu cầu Tòa án buộc ông Ch trả lại nguyên hiện trạng phần đất đã lấn chiếm của ông là 675,6m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Công văn 02/CV-TNMT ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C có phúc đáp như sau: “Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K442476, cấp ngày 31/8/1998, số thửa 283, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.020m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn và lâu năm khác (ONT+LNK) của hộ ông (bà) Nguyễn Văn C, vị trí đất tại ấp Hòa Phước, xã T là cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1993.

*Về trình tự thủ tục cấp đúng theo quy định và đúng vị trí đất.*

*Về đối tượng, là do UBND xã xét cấp. UBND huyện căn cứ vào Tờ trình của UBND xã Thạnh Lộc kèm theo danh sách hộ đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Cứng.*

*Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 530545, cấp ngày 28/7/2009, số thửa 264, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.476m<sup>2</sup>, loại lúa (LUA) là do hộ ông (bà) Nguyễn Văn Ch tự khai đăng ký bổ sung xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Sau đó, UBND xã T thống nhất xét cấp và có Tờ trình số: 22/TTr-UBND ngày 07/7/2009 (kèm theo danh sách 14 hộ dân đủ điều kiện) đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông (bà) Nguyễn Văn Ch. Về trình tự thủ tục là đúng theo quy định của pháp luật và vị trí đất”. Phần đất của hộ ông C với hộ ông Ch đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai và các bên đã sử dụng ổn định đến năm 2013 thì ông C mới phát sinh tranh chấp với ông Ch.*

[3] Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 675,6m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp HL (ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang, ông C cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên là của ông giáp đất với ông Ch. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K442476, tờ bản đồ số 09, số thửa 283, diện tích 4.020m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C đất tọa lạc ấp HL (ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang, đối chiếu với diện tích đo đạc thực tế của ông C là 5.136,9 m<sup>2</sup>, vậy diện tích còn thừa là so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.116,9m<sup>2</sup>.

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP530545, thửa số 264, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.476m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đất tọa lạc ấp HL (ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang so với diện tích đất đo đạc thực tế của ông Ch, bà N là 10.522,5m<sup>2</sup>,

vậy là diện tích đất thực tế của ông Ch, bà N còn thiếu là 953,5m<sup>2</sup>. Nếu cộng luôn phần đất tranh chấp là 675,6m<sup>2</sup>, là diện tích của ông Ch, bà N là vẫn còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông C cho rằng ông Ch đã lấn chiếm diện tích đo đạc thực 675,6m<sup>2</sup> là không có cơ sở, trong khi đó ông C có diện tích thực tế đã thừa so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông C.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955, bị đơn ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1945. Ông C và ông Ch đã trên 60 tuổi là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho ông C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C chịu án phí sơ thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, cần rút kinh nghiệm chung.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006685 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Nguyễn Trọng Ng, anh Nguyễn Hoàng A và anh Nguyễn Hoàng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Ch, bà N, ông H1, chị V, anh Ng, anh Q và anh Hoàng A mỗi người được hoàn trả lại 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006589, 0006590, 0006591, 0006592, 0006593, 0006594 ngày 14/9/2020 và số 0006502 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C được miễn án phí.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang về án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 166, 170, 179 và 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang về án phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trả lại phần đất tranh chấp khoảng 400m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Hòa Lộc (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, anh Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Nguyễn Trọng Ng, anh Nguyễn Hoàng A và anh Nguyễn Hoàng Q.

Công nhận phần đất tranh chấp có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 675,6m<sup>2</sup> nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP530545, tờ bản đồ số 09, số thửa 264, diện tích là 11.476m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 10.522,5 m<sup>2</sup>) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Trần Thị N đứng tên vào ngày 28/7/2009, đất tọa lạc tại ấp HL (nay là ấp H), xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N, theo tờ trích đo địa chính số TĐ: 236-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang được xác định bởi các điểm 6,7,10,11 cụ thể như sau:

Từ điểm 6-7 = 57,01m giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị N;

Từ điểm 7-10 = 25,37m giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C;

Từ điểm 10-11 = 39,41m giáp kênh Sáng Mới;

Từ điểm 11-6 = 12,24m giáp kênh Sáng Mới.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006685 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, ông Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Nguyễn Trọng Ng, anh Nguyễn Hoàng A và anh Nguyễn Hoàng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Ch, bà N, ông H1, chị V, anh Ng, anh Q và anh Hoàng A mỗi người được hoàn trả lại 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006589, 0006590, 0006591, 0006592, 0006593, 0006594 ngày 14-9-2020 và số 0006502 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.



Án phí phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0001162 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhiên**